

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2017

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1021/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng G, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh V, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng G trình bày: bà và ông Phạm Minh V có tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2012. Bà và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 05/11/2012. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Vương chỉ lo ăn chơi, không lo cho vợ, con. Bà và ông V đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau, nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nên tháng 7 năm 2017, bà ẵm con về nhà cha mẹ ruột tại xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa sống cho đến nay. Nay

bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Minh V.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông V có 01 con chung tên là Phạm Gia H, sinh ngày 19/11/2013, giới tính: Nam. Hiện tại, con chung đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông V không có nợ ai.

Bị đơn ông Phạm Minh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà G xin ly hôn nhưng ông V vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn là ông Phạm Minh V vắng mặt. Nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị Hồng G khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Minh V. Ông V đang cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng G có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Phạm Minh V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về hôn nhân: Bà G và ông V tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2012 quyền số 01/2012 đăng ký ngày 05/11/2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà G và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, ông V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà G xin ly hôn với ông V tại Tòa án, nhưng ông V không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà G xác định không còn tình cảm gì với ông V và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà G và ông V là có

thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà G cương quyết ly hôn với ông V là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Phan Thị Hồng G được ly hôn với ông Phạm Minh V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, cháu Phạm Gia H, sinh ngày 19/11/2013 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu H muốn sống với ai; Mặt khác, ông V cố tình vắng mặt, nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Nhưng hiện tại, con chung đang được bà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập sau này, nên cần giao cháu Phạm Gia H cho bà Phan Thị Hồng G trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản, về nợ chung: Do ông V cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Bà G xác định bà G và ông V không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Phan Thị Hồng G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng G về việc tranh chấp ly hôn với ông Phạm Minh V.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng G được ly hôn với ông Phạm Minh V.

2. Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Hồng G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phạm Gia H, sinh ngày 19/11/2013, giới tính: Nam. Ông Phạm Minh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Hồng G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001518 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Hồng G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng G có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Phạm Minh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương